

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh và ông Vũ Ngọc Ánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023.

Nguyên đơn: Anh Bùi Chí T, sinh năm: 1991.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm: 2001

Địa chỉ: Thôn HT, xã TL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái

Anh T, chị Vân A – vắng mặt (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Bùi Chí T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Vân A đăng ký kết hôn ngày 31-12-2019, tại UBND xã TL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hòa giải và gia đình hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân A.

Về con chung: Anh và chị Vân A không có con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2022, của chị Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Chị và anh Bùi Chí T đăng ký kết hôn ngày 31-12-2019, tại UBND xã TL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020, đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định không có con chung với anh T.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Vân A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn; bị đơn chị Nguyễn Thị Vân A có hộ khẩu thường trú tại Thôn HT, xã TL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Bùi Chí T và chị Nguyễn Thị Vân A đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Chí T kết hôn với chị Nguyễn Thị Vân A trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31-12-2019, tại UBND xã TL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T, chị Vân A đều xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã tự hòa giải và gia đình cũng đã hòa giải để hàn gắn nhưng không cải thiện được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa và đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Vân A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[3] Về con chung: Anh T và chị Vân A đều xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Anh T và chị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Bùi Chí T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Chí T được ly hôn chị Nguyễn Thị Vân A.

2. Về án phí: Anh Bùi Chí T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: AA/2022/0000003 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Chí T và chị Nguyễn Thị Vân A vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.YB;
- THADS TP. YB;
- Các đương sự;
- UBND xã TL , TP YB;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Văn